

SỞ GD&ĐT TUYÊN QUANG
TRƯỜNG PTDTNT THCS&THPT
XÍN MÀN
Số: 151 /KH-NTXM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Pà Vây Sủ, ngày 29 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc năm học 2026 - 2027

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Kế hoạch 138/KH-NTXM ngày 21 tháng 08 năm 2026 của Trường PTDTNT THCS&THPT Xín Màn về thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 –2027; và điều kiện thực tế của nhà trường;

Trường PTDTNT THCS&THPT Xín Màn xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc năm học 2026- 2027 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trường PTDTNT được Nhà nước thành lập cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực có trình độ cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Là ngôi trường chuyên biệt trong hệ thống giáo dục quốc dân, có đến 95% học sinh là người dân tộc thiểu số, 5% là dân tộc Kinh. 100% học sinh được bố trí ăn ở trong trường và được nhà nước cấp ngân sách nuôi ăn, ở, chi phí học tập của học sinh.

Quy mô đầu năm học: 15 lớp, 483 học sinh; trong đó THCS 285 học sinh, THPT 198 học sinh; học sinh dân tộc thiểu số 474 em, thuộc 11 dân tộc thuộc các dân tộc (Nùng, HMông, Tày, La Chí, Dao, Kinh, Hoa, Giáy, Bô Y, Mường, Sán Chay)

Nhà trường xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường giúp học sinh hình thành chuẩn nhân cách, vững kiến thức, giàu kỹ năng để có thể tự học suốt đời và sẵn sàng phục vụ cho quê hương, đất nước. Phân đấu trở thành giáo dục chất lượng cao, một địa chỉ đáng tin cậy đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số huyện Xín Màn. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo chủ động, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn; xây dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm; đào tạo học sinh có tri thức, có sức khỏe, có óc sáng tạo, luôn có những kì

vọng, tự tin hội nhập là những giá trị mà nhà trường vươn tới; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; thực hiện tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục học sinh (bài trừ hủ tục lạc hậu, phòng chống tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, an ninh mạng, sức khỏe và giới tính...). Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống.

Nhà trường tổ chức giáo dục cấp THCS và THPT, thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Việc thực hiện nhiệm vụ phải gắn với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, điều kiện học tập và hoàn cảnh gia đình của học sinh.

1. Thuận lợi

Nhà trường có điều kiện tổ chức phối hợp giữa học tập trên lớp, tự học và hoạt động giáo dục đặc thù; học sinh thuộc nhiều dân tộc là nguồn lực để tổ chức giao lưu, tìm hiểu và bảo tồn văn hóa. Các chế độ, chính sách đối với học sinh dân tộc nội trú tạo điều kiện hỗ trợ việc học tập, rèn luyện. Những thuận lợi cụ thể về đội ngũ, cơ sở vật chất và phối hợp địa phương.

2. Khó khăn và vấn đề ưu tiên

Khảo sát, xác định mức độ khó khăn của từng nhóm học sinh về tiếng Việt trong học tập, kiến thức nền, phương pháp tự học, thích nghi môi trường nội trú và tiếp cận thông tin hướng nghiệp. Không mặc định mọi học sinh dân tộc thiểu số đều có cùng hạn chế. Những khó khăn đã được xác minh và cần ưu tiên giải quyết: [nêu số lượng, biểu hiện, nguyên nhân và nhóm học sinh cần hỗ trợ].

II. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số; bảo đảm cơ hội học tập và tiến bộ của từng học sinh; thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với đối tượng, không hạ thấp yêu cầu cần đạt.

2. Giáo dục lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc, ý thức công dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; hình thành ý thức đóng góp cho gia đình, cộng đồng và địa phương.

3. Phát triển năng lực tiếng Việt trong học tập, kỹ năng tự học, giao tiếp, hợp tác và thích nghi; tổ chức hướng nghiệp phù hợp năng lực, sở trường, điều kiện của học sinh và nhu cầu phát triển của địa phương.

4. Thực hiện đúng đối tượng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách; phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương; sử dụng nguồn lực đúng mục đích, thiết thực và có thể kiểm tra kết quả.

5. Nội dung giáo dục dân tộc được cụ thể hóa trong kế hoạch giáo dục, môn học và hoạt động phù hợp; không tăng tải, không tạo thêm môn học bắt buộc hoặc hồ sơ trùng lặp. Hoạt động văn hóa bảo đảm tôn trọng sự đa dạng, không kỳ thị và không làm sai lệch giá trị văn hóa.

III. CHỈ TIÊU THỰC HIỆN

Các chỉ tiêu dưới đây là mục tiêu quản lý của nhà trường; chỉ tiêu định lượng về kết quả được xác định tại phụ lục 1 trên cơ sở số liệu thực tế và nhiệm vụ được giao, không xem là tỷ lệ bắt buộc do Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT quy định.

1. Phân đầu duy trì sĩ số, chuyên cần; giảm học sinh nghỉ học kéo dài, bỏ học do khó khăn có thể hỗ trợ. Theo dõi, xác minh và có biện pháp đối với từng trường hợp có nguy cơ.

2. Toàn bộ học sinh được khảo sát nhu cầu hỗ trợ; học sinh gặp khó khăn về tiếng Việt, kiến thức nền hoặc phương pháp học được phân công giáo viên giúp đỡ và theo dõi tiến bộ.

3. Mỗi lớp thực hiện ít nhất 01 sản phẩm hoặc hoạt động tìm hiểu, giới thiệu văn hóa dân tộc trong năm học; nhà trường tổ chức ít nhất 01 hoạt động giao lưu văn hóa phù hợp điều kiện và kinh phí được duyệt.

4. Học sinh được tham gia giáo dục đoàn kết dân tộc, bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực, hôn nhân cận huyết thống và kỹ năng tìm kiếm hỗ trợ bằng hình thức phù hợp lứa tuổi; học sinh lớp 9 và lớp 12 được tư vấn hướng nghiệp, phân luồng.

5. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phổ biến nhiệm vụ giáo dục dân tộc; các tổ chuyên môn có nội dung sinh hoạt về phương pháp giáo dục phù hợp học sinh dân tộc thiểu số.

6. Toàn bộ hồ sơ hưởng chính sách được rà soát; trường hợp đủ điều kiện được giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền đúng quy định. Vương mắc được ghi nhận, thông tin và xử lý kịp thời.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Duy trì sĩ số và bảo đảm cơ hội học tập

Thực hiện tuyển sinh đúng đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu và kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giáo viên chủ nhiệm cập nhật hoàn cảnh, địa bàn cư trú, thông tin liên hệ và nhu cầu hỗ trợ của học sinh; sử dụng dữ liệu đúng mục đích, không công khai thông tin nhạy cảm.

Theo dõi chuyên cần và việc trở lại trường sau nghỉ lễ, Tết; xác định nguyên nhân nghỉ học để hỗ trợ phù hợp. Phối hợp gia đình, địa phương, người có uy tín khi cần vận động học sinh tiếp tục học; tránh quy nguyên nhân nghỉ học cho phong tục hoặc dân tộc khi chưa xác minh.

Hướng dẫn học sinh đầu cấp thích nghi môi trường học tập, sinh hoạt; bố trí bạn hỗ trợ, giáo viên theo dõi. Ưu tiên học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số rất ít người và trường hợp có nguy cơ gián đoạn học tập theo nhu cầu thực tế.

2. Nâng cao chất lượng dạy học phù hợp học sinh dân tộc thiểu số

Tổ chức khảo sát kiến thức nền, năng lực đọc hiểu và phương pháp học để xây dựng biện pháp dạy học phân hóa. Giáo viên sử dụng tình huống gần gũi với đời sống, hình ảnh và trải nghiệm địa phương; tăng thực hành, thảo luận, trình bày; khuyến khích học sinh chủ động và tự tin tham gia.

Tổ chuyên môn xây dựng nội dung hỗ trợ theo từng môn, từng nhóm nhu cầu; đánh giá lại sau từng giai đoạn và điều chỉnh biện pháp. Bồi dưỡng học sinh có năng lực, sở trường; tạo cơ hội tham gia hoạt động khoa học, nghệ thuật, thể thao và các sân chơi phù hợp.

Thực hiện đánh giá học sinh theo quy định áp dụng cho cấp học; bảo đảm công bằng, nhận xét giúp học sinh tiến bộ, không định kiến về dân tộc, giới hoặc ngôn

ngữ. Nội dung hỗ trợ học tập không thay thế yêu cầu chương trình và không làm sai lệch kết quả đánh giá.

3. Tăng cường năng lực tiếng Việt trong học tập

Xác định nhu cầu hỗ trợ đọc hiểu văn bản, nghe hiểu yêu cầu, trình bày miệng, viết và sử dụng thuật ngữ môn học của học sinh THCS, THPT. Phân biệt khó khăn về ngôn ngữ với khó khăn về kiến thức chuyên môn để lựa chọn cách hỗ trợ.

Giáo viên các môn giải thích thuật ngữ theo ngữ cảnh, hướng dẫn đọc câu hỏi và diễn đạt lập luận; sử dụng sơ đồ, hình ảnh, mẫu trình bày khi cần. Tăng thời gian để học sinh thực hành nói, viết và trao đổi; kết hợp hoạt động đọc sách, giới thiệu sách, câu lạc bộ và hỗ trợ theo nhóm.

Tôn trọng tiếng mẹ đẻ; khuyến khích học sinh sử dụng vốn ngôn ngữ, văn hóa để hỗ trợ tiếp nhận kiến thức. Không phê bình, chế giễu giọng nói hoặc cách sử dụng tiếng dân tộc một cách tùy tiện. Theo dõi sự tiến bộ qua sản phẩm học tập và mức độ tham gia của học sinh.

Nội dung này là giải pháp chuyên môn của nhà trường đối với học sinh trung học, không áp dụng nguyên các đề án dành riêng cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học hoặc trước lớp Một.

4. Giáo dục bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Tổ chức tìm hiểu lịch sử, truyền thống, tiếng nói, chữ viết, trang phục, dân ca, nhạc cụ, trò chơi, nghề truyền thống và tri thức địa phương phù hợp với các dân tộc có học sinh đang học tại trường. Lựa chọn nội dung trên cơ sở khảo sát, tham vấn người am hiểu và tài liệu đáng tin cậy.

Lồng ghép phù hợp trong Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí ở THCS, Lịch sử, Địa lí ở THPT, Nghệ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; bảo đảm yêu cầu chương trình, điều kiện môn học và tránh trùng lặp. Không mặc nhiên coi mọi nội dung văn hóa là bài học bắt buộc ở tất cả các môn, lớp.

Tổ chức câu lạc bộ, giao lưu, trưng bày hoặc học liệu giới thiệu văn hóa; khuyến khích sản phẩm bằng bài viết, ảnh, video, hiện vật phù hợp. Mời nghệ nhân, người có uy tín, phụ huynh tham gia theo điều kiện thực tế. Việc ghi hình, sưu tầm, sử dụng hiện vật và giới thiệu tập quán cần có sự đồng thuận, ghi nguồn và tôn trọng cộng đồng.

Phân biệt hoạt động giữ gìn, giao lưu tiếng nói, chữ viết với dạy học tiếng dân tộc thiểu số theo chương trình. Chỉ tổ chức dạy học chính thức khi đáp ứng điều kiện và quy định liên quan; không tự công nhận câu lạc bộ là môn học hoặc cấp chứng nhận ngoài thẩm quyền.

5. Giáo dục đoàn kết dân tộc và ý thức công dân

Giúp học sinh hiểu các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; hiểu mục đích, ý nghĩa của chính sách dân tộc và trách nhiệm học tập, rèn luyện. Giáo dục lòng yêu nước, truyền thống địa phương, ý thức bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng bằng nội dung phù hợp lứa tuổi.

Xây dựng quan hệ bạn bè tôn trọng khác biệt; không miệt thị dân tộc, ngôn ngữ, trang phục hoặc tín ngưỡng. Giáo viên hướng dẫn nhận diện thông tin sai lệch gây

chia rẽ dân tộc, kiểm chứng thông tin và báo cho người có trách nhiệm; không yêu cầu học sinh tự đối đầu hoặc xử lý tình huống vượt khả năng.

6. Giáo dục pháp luật và kỹ năng sống phù hợp đối tượng

Lựa chọn nội dung thiết thực về quyền học tập, quyền trẻ em, bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình; phòng ngừa tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bạo lực, xâm hại và mua bán người. Tổ chức trao đổi tình huống, thực hành kỹ năng từ chối, tìm kiếm hỗ trợ và thông báo nguy cơ; không quy chụp cộng đồng hoặc chỉ tuyên truyền bằng khẩu hiệu.

Hướng dẫn kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tự phục vụ, quản lý thời gian, thích nghi nội trú và sử dụng môi trường số an toàn. Phối hợp gia đình, cơ quan chuyên môn và người có uy tín để hỗ trợ trường hợp cụ thể; bảo mật thông tin và tôn trọng danh dự học sinh.

Tư vấn học đường và công tác xã hội được thực hiện theo hướng dẫn chuyên ngành, chú ý học sinh sống xa gia đình, gặp khó khăn ngôn ngữ hoặc bị phân biệt đối xử. Chuyển thông tin đến bộ phận có trách nhiệm khi vượt khả năng hỗ trợ của giáo viên.

7. Hướng nghiệp và góp phần tạo nguồn nhân lực cho địa phương

Tổ chức tư vấn theo năng lực, sở trường, kết quả học tập và nguyện vọng; cung cấp thông tin được kiểm chứng về học tiếp, giáo dục nghề nghiệp, nghề truyền thống và cơ hội việc làm. Tăng cơ hội tiếp cận thông tin cho học sinh ở địa bàn khó khăn, không định hướng nghề nghiệp theo định kiến dân tộc hoặc giới.

Phối hợp cơ sở đào tạo, cựu học sinh và người làm nghề giới thiệu con đường học tập, lao động; tổ chức trải nghiệm nghề phù hợp điều kiện và an toàn. Giáo dục ý thức vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề của cộng đồng; không cam kết việc làm, cử tuyển hoặc ưu đãi khi chưa có căn cứ.

Lập danh sách, tư vấn cá nhân cho học sinh lớp 9, lớp 12; trao đổi với gia đình trước thời điểm lựa chọn. Theo dõi học sinh sau tốt nghiệp theo dữ liệu có thể xác minh, phân loại học tiếp, học nghề, lao động hoặc chưa có thông tin để đánh giá hiệu quả giáo dục dân tộc.

8. Bồi dưỡng đội ngũ thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc

Bồi dưỡng hiểu biết về văn hóa, ngôn ngữ, phong tục và đặc điểm tâm lý học sinh các dân tộc trên địa bàn; phương pháp hỗ trợ tiếng Việt trong môn học, dạy học phân hóa, giao tiếp liên văn hóa và phối hợp gia đình. Chia sẻ tình huống thực tế trong sinh hoạt tổ chuyên môn; tránh hình thành định kiến về năng lực học sinh.

Khuyến khích giáo viên, nhân viên học những cách giao tiếp tiếng dân tộc phù hợp công việc; việc đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số phải thực hiện theo quy định chuyên ngành. Không quy định mọi giáo viên phải có chứng chỉ nếu chưa có yêu cầu áp dụng.

Các tổ phục vụ hoạt động giáo dục đặc thù, chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý học sinh dân tộc nội trú xây dựng kế hoạch phối hợp theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; thực hiện sinh hoạt theo Quy chế trường PTDTNT và phân công của hiệu trưởng.

9. Thực hiện chế độ chính sách và điều kiện hỗ trợ học tập

Rà soát đối tượng hưởng chính sách, hồ sơ, thời gian và nội dung hỗ trợ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP và quy định liên quan. Đối với học bổng chính sách, đối chiếu quy định được dẫn chiếu tại Nghị định; các chính sách khác thực hiện theo đúng điều kiện, phạm vi và hướng dẫn địa phương. Không nhằm chế độ học sinh dân tộc nội trú với học sinh bán trú.

Phân công tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu danh sách, giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền; công khai theo quy định nhưng bảo vệ thông tin cá nhân. Tiếp nhận phản ánh, kiểm tra sai sót, tránh bỏ sót hoặc chi trùng; báo cáo vướng mắc vượt thẩm quyền, không tự đặt thêm điều kiện hoặc khoản đóng góp.

Bảo đảm học liệu, thời gian tự học và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng phục vụ học tập; hướng dẫn học sinh hỗ trợ nhau, giữ gìn vệ sinh, xây dựng nếp sống văn minh. Nội dung chi tiết về bếp ăn, y tế, trực và an toàn nội trú thực hiện trong kế hoạch chuyên trách, có phối hợp và kiểm tra, không tách rời mục tiêu giáo dục.

10. Quản lý thông tin và đánh giá kết quả giáo dục dân tộc

Thống kê số lượng học sinh theo cấp học, khối lớp, dân tộc và các nhóm cần hỗ trợ; theo dõi chuyên cần, kết quả học tập, rèn luyện, hoàn thành cấp học và phân luồng. Việc phân tích nhằm cải thiện hỗ trợ, không công khai bảng xếp hạng gây kỳ thị giữa các dân tộc.

Khai thác hồ sơ, hệ thống quản lý hiện có, không yêu cầu nhập lập dữ liệu. Phân công người cập nhật, kiểm tra, phân quyền truy cập và bảo vệ thông tin. Báo cáo theo yêu cầu cơ quan quản lý, nêu kết quả so với chỉ tiêu, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp điều chỉnh.

Truyền thông sản phẩm văn hóa, gương vượt khó, đóng góp của học sinh, giáo viên và cộng đồng bằng thông tin được xác minh. Việc sử dụng hình ảnh, câu chuyện cá nhân bảo đảm sự đồng thuận và quyền riêng tư, không khai thác hoàn cảnh khó khăn để tuyên truyền thiếu phù hợp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Sử dụng kinh phí được giao, nguồn thực hiện chế độ chính sách và các nguồn hợp pháp khác theo quy định. Lập dự toán theo hoạt động, số lượng người tham gia, nội dung chi và định mức áp dụng; được phê duyệt trước khi thực hiện, bảo đảm chứng từ và quyết toán. Không sử dụng sai mục đích nguồn chi chính sách; không thu bắt buộc của học sinh để tổ chức hoạt động văn hóa.

Ưu tiên hỗ trợ học sinh khó khăn trong học tập, học liệu, hoạt động giáo dục văn hóa dân tộc thiết thực và bồi dưỡng đội ngũ. Tận dụng học liệu, sản phẩm, nhân lực hiện có; phối hợp hoạt động để tránh chi trùng. Dự toán chi tiết thực hiện trong hồ sơ tài chính của từng hoạt động.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, phê duyệt chỉ tiêu, kế hoạch và dự toán; phân công nhiệm vụ, bố trí điều kiện; kiểm tra việc thực hiện và chế độ chính sách. Chỉ đạo phối hợp với gia đình, địa phương, cơ quan chuyên môn; xử lý hoặc báo cáo vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Phó hiệu trưởng được phân công

Điều phối nhiệm vụ giáo dục dân tộc trong chuyên môn và hoạt động đặc thù; hướng dẫn khảo sát, hỗ trợ học sinh, tổ chức giáo dục văn hóa và hướng nghiệp. Theo dõi tiến độ tại phụ lục 2; tổng hợp kết quả, tham mưu điều chỉnh và báo cáo.

3. Tổ chuyên môn và giáo viên bộ môn

Tích hợp nhiệm vụ vào kế hoạch tổ, kế hoạch dạy học phù hợp; lựa chọn nội dung, phân công hỗ trợ học sinh, xây dựng học liệu và kiểm tra tiến bộ. Sinh hoạt chuyên môn về đặc điểm đối tượng, hỗ trợ tiếng Việt, phương pháp học; phối hợp giáo viên chủ nhiệm và bộ phận phụ trách hoạt động đặc thù.

4. Giáo viên chủ nhiệm

Nắm tình hình, theo dõi chuyên cần và nhu cầu hỗ trợ; phối hợp gia đình, giáo viên bộ môn, bộ phận nội trú. Tổ chức giáo dục đoàn kết dân tộc, văn hóa, kỹ năng sống trong hoạt động lớp; theo dõi kết quả hỗ trợ, hướng nghiệp; báo cáo kịp thời trường hợp nguy cơ.

5. Bộ phận phụ trách giáo dục đặc thù và các đoàn thể

Phối hợp tổ chức hoạt động văn hóa, kỹ năng, tự học và hỗ trợ thích nghi; phát hiện khó khăn trong sinh hoạt ảnh hưởng học tập. Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên và các tổ chức liên quan thực hiện theo đối tượng, chức năng và phân công; huy động học sinh tham gia tự nguyện, phù hợp lứa tuổi.

6. Kế toán và bộ phận được giao quản lý dữ liệu

Kế toán phối hợp rà soát hồ sơ chính sách, dự toán và chứng từ, công khai và giải trình theo quy định. Bộ phận dữ liệu đối chiếu số liệu với giáo viên chủ nhiệm, tổ chuyên môn; bảo đảm thống nhất, cập nhật và bảo mật thông tin.

7. Kiểm tra và chế độ báo cáo

Kiểm tra theo tiến độ, sơ kết cuối học kỳ I, tổng kết cuối năm học; thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Đánh giá cả mức độ tiến bộ, chất lượng sản phẩm và kết quả hỗ trợ, không chỉ đếm số buổi tổ chức. Vướng mắc phát sinh được báo cáo ngay để điều chỉnh trong phạm vi thẩm quyền.

Các tổ, bộ phận và cá nhân được phân công căn cứ kế hoạch này tổ chức thực hiện; sử dụng hồ sơ hiện có để minh chứng, bảo đảm thiết thực và tránh hình thức./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Các tổ CM, VP;
- Lưu: VT, CM.



Nguyễn Thị Ngân

